|  |
| --- |
| **TRƯỜNG THCS GIA THỤY**  **ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG DẠY HỌC HỌC KÌ II, NĂM HỌC 2019 - 2020**  MÔN SINH HỌC |

**LỚP 6**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TIẾT** | **TÊN BÀI** | **ĐIỀU CHỈNH** |
| 37 | Thụ phấn |  |
| 38 | Thụ phấn (tt) |  |
| 39 | Thụ tinh, kết hạt và tạo quả |  |
| 40 | ***Chương VII:* QUẢ VÀ HẠT**  Các loại quả |  |
| 41 | Hạt và các bộ phận của hạt |  |
| 42 | Tổng kết về cây có hoa |  |
| 43 | ***Chương VIII:***  **CÁC NHÓM THỰC VẬT**  Tảo *(Mục 1: cấu tạo của tảo và mục 2: một vài tảo khác thường gặp- Chỉ giới thiệu các đại diện bằng hình ảnh mà không đi sâu vào cấu tạo. - Câu hỏi 1, 2, 4: - Không yêu cầu HS trả lời. - Câu hỏi 3: - Không yêu cầu HS trả lời phần cấu tạo). Bổ sung thêm bài tập* |  |
| 44 | Rêu - Cây rêu. | Mục 3. Túi bào tử và sự phát triển của rêu: Không dạy chi tiết, chỉ giới thiệu hình thức sinh sản của rêu |
| 45 | Quyết - Cây dương xỉ. | Mục 1.b) Túi bào tử và sự phát triển của dương xỉ: Không dạy chi tiết, chỉ giới thiệu hình thức sinh sản của dương xỉ |
| Mục 2. Một vài loại dương xỉ thường gặp: Không dạy |
| Mục 3. Quyết cổ đại và sự hình thành than đá: Khuyến khích học sinh tự đọc |
| 46 | Ôn tập |  |
| 47 | **Kiểm tra viết** |  |
| 48 | Hạt trần - Cây thông *(Mục 2: cơ quan sinh sản- Không bắt buộc so sánh hoa của Hạt kín với nón của Hạt trần.) Bổ sung thêm bài tập* | Mục 2. Cơ quan sinh sản (nón): Không dạy chi tiết, không so sánh cấu tạo của hoa và nón; chỉ giới thiệu cơ quan sinh sản |
| 49 | Hạt kín - Đặc điểm của thực vật Hạt kín (*Câu hỏi 3 trang 136- Không yêu cầu HS trả lời)* | Phần lệnh ▼ “Lấy một quả để kiểm tra lại điều trên”: Không thực hiện |
| 50 | Lớp Hai lá mầm và lớp Một lá mầm. | Mục 2. Đặc điểm phân biệt giữa lớp Hai lá mầm và lớp Một lá mầm: Khuyến khích học sinh tự thực hiện |
| 51 | Khái niệm sơ lược về phân loại thực vật *(Khái niệm sơ lược về phân loại thực vật- Không dạy chi tiết, chỉ dạy những hiểu biết chung về phân loại thực vật) Bổ sung thêm bài tập* |  |
| 52 | Nguồn gốc cây trồng |  |
| 53 | **CHỦ ĐỀ**  **VAI TRÒ CỦA THỰC VẬT (3 tiết)**  Tiết 1: Thực vật góp phần điều hoà khí hậu | Mục 1. Nhờ đâu hàm lượng khí cacbônic và ôxi trong không khí được ổn định: Khuyến khích học sinh tự đọc |
| 54 | Tiết 2: Thực vật bảo vệ đất và nguồn nước | Mục 1. Phần lệnh ▼: Không thực hiện |
| 55 | Tiết 3: Vai trò của TV đối với động vật và đối với đời sống con người. | Mục I.1. Phần lệnh ▼: Không thực hiện |
| 56 | Bảo vệ sự đa dạng của thực vật |  |
| 57 | ***Chương X:***  **VI KHUẨN - NẤM - ĐỊA Y**  Vi khuẩn | Mục 2. Cách dinh dưỡng : Khuyến khích học sinh tự đọc  Mục 3. Phân bố và số lượng: Khuyến khích học sinh tự đọc |
| 58 | Vi khuẩn (tiếp theo) |  |
| 59 | Nấm: Mốc trắng và Nấm rơm | Mục I.1. Phần lệnh ▼: Không thực hiện  Mục II. Phần lệnh ▼: Không thực hiện |
| 60 | Bài tập |  |
| 61 | Ôn tập học kì II |  |
| 62 | **Kiểm tra học kì II** |  |
|  | Ôn tập dự phòng |  |
|  | Ôn tập dự phòng |  |

**LỚP 7**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TIẾT** | **TÊN BÀI** | **ĐIỀU CHỈNH** |
| 37 | **Lớp lưỡng cư**  Ếch đồng |  |
| 38 | Thực hành - Quan sát cấu tạo trong của ếch đồng trên mẫu mổ. |  |
| 39 | Đa dạng và đặc điểm chung của lớp Lưỡng cư |  |
| 40 | **Lớp Bò sát**  Thằn lằn bóng đuôi dài |  |
| 41 | Sự đa dạng và đặc điểm chung của lớp Bò sát. *(Phần lệnh ▼Mục I. Đa dạng của bò sát Không yêu cầu HS trả lời lệnh)* |  |
| 42 | **Lớp Chim**  Chim bồ câu. ***Kiểm tra lấy điểm 15phút*** |  |
| 43 | Đa dạng và đặc điểm chung của lớp Chim. *(Phần lệnh ▼: Đọc bảng và hình 44.3 (dòng 1 trang 145) và Câu hỏi 1 trang 146 - Không yêu cầu HS trả lời)* |  |
| 44 | **Lớp Thú**  Thỏ |  |
| 45 | **CHỦ ĐỀ: SỰ ĐA DẠNG CỦA THÚ**  **(4 tiết)**  Tiết 1: Đa dạng của lớp Thú: Bộ Thú huyệt, bộ Thú túi |  |
| 46 | Tiết 2: Đa dạng của lớp Thú (tiếp theo): Bộ Dơi và bộ Cá voi |  |
| 47 | Tiết 3: Đa dạng của lớp Thú (tiếp theo): Bộ Ăn sâu bọ, bộ Gặm nhấm, bộ Ăn thịt |  |
| 48 | Tiết 4: Đa dạng của lớp Thú (tiếp theo): Các bộ Móng guốc và bộ Linh trưởng | Thú móng guốc gồm ba bộ (Mục I. Các bộ Móng guốc - không dạy, mục I. Phần lệnh ▼ , mục II. Phần lệnh ▼ *- Không yêu cầu HS trả lời)* |
| 49 | Ôn tập – bài tập |  |
| 50 | **Kiểm tra viết** |  |
| 51 | Tiến hoá về sinh sản |  |
| 52 | Cây phát sinh giới động vật |  |
| 53 | ***Chương VIII:* ĐỘNG VẬT VÀ ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI**  **CHỦ ĐỀ: ĐA DẠNG SINH HỌC**  **(2tiết)**  Tiết 1: Đa dạng sinh học | - Không phân tích sự thích nghi của động vật với môi trường sống, chỉ giới thiệu sự đa dạng của động vật |
| 54 | Tiết 2: Đa dạng sinh học (tiếp theo) |  |
| 55 | Biện pháp đấu tranh sinh học |  |
| 56 | Ôn tập kì II |  |
| 57 | **Kiểm tra học kì II** |  |

**LỚP 8**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TIẾT** | **TÊN BÀI** | **ĐIỀU CHỈNH** |
| 37 | **Vitamin và muối khoáng** |  |
| 38 | **Tiêu chuẩn ăn uống – Nguyên tắc lập khẩu phần** |  |
| 39 | **Thực hành - Phân tích một khẩu phần cho trước** |  |
| 40 | ***Chương VII:* CHỦ ĐỀ BÀI TIẾT (3 tiết)**  Tiết 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về bài tiết và cấu tạo cơ quan bài tiết nước tiểu, bài tiết nước tiểu, vệ sinh hệ bài tiết nước tiểu | **Hình 39-1. Sơ đồ quá trình tạo thành nước tiểu ở một đơn vị chức năng của thận**  *(Không dạy chi tiết sơ đồ hình 39.1, chỉ dạy phân biệt 3 quá trình lọc máu, hấp thu lại và bài tiết tiếp (Mục I)* |
| 41 | Tiết 2: Học sinh báo cáo về bài tiết và cấu tạo cơ quan bài tiết nước tiểu, sự bài tiết nước tiểu | **Mục I, II. Phần lệnh ▼**  *Không thực hiện* |
| 42 | Tiết 3: Học sinh báo cáo về sự bài tiết nước tiểu (tiếp), vệ sinh hệ bài tiết nước tiểu | **Mục I - Một số tác nhân chủ yếu gây hại cho hệ bài tiết nước tiểu**  (Không dạy chi tiết, chỉ giới thiệu các tác nhân) |
| 43 | ***Chương VIII:* DA**  **Cấu tạo và chức năng của da** | **Mục I - Cấu tạo của da**  *Không dạy chi tiết cấu tạo từng phần của da* |
| 44 | **Vệ sinh da** | **Mục II - Rèn luyện da**  *Không dạy* |
| 45 | ***Chương IX:***  **THẦN KINH VÀ GIÁC QUAN**  **Giới thiệu chung hệ thần kinh** | **Mục I - Nơron - đơn vị cấu tạo của hệ thần kinh:** *Không dạy*  **Mục II-1. Cấu tạo:** *Không dạy chi tiết, chỉ giới thiệu cấu tạo* |
| 46 | **Dây thần kinh tuỷ** |  |
| 47 | **Trụ não, tiểu não, não trung gian**  (*Lệnh ▼ So sánh cấu tạo và chức năng của trụ não và tủy sống… và Bảng 46 trang 145-không dạy)*  *Luyện tập vận dụng giải thích hiện tượng thực tế* | *Không dạy phần cấu tạo não bộ, chỉ dạy về vị trí và chức năng* |
| 48 | **Đại não**  *(Lệnh ▼ trang 149- Không dạy)*  *Luyện tập vẽ và chú thích sơ đồ đại não* |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 49 | **Cơ quan phân tích thị giác**  *(Hình 49.1 và nội dung liên quan ở lệnh ▼ trang 155 và Hình 49.4 và lệnh ▼ trang 157-không dạy) Luyện tập về quan sát vật ở khoảng cách khác nhau* | **Mục II-2. Cấu tạo của màng lưới**  **Mục II-3. Sự tạo ảnh ở màng lưới**  *Không dạy* |
| 50 | **Vệ sinh mắt** |  |
| 51 | **Cơ quan phân tích thính giác**  *(Hình 51.2 và nội dung liên quan trang 163-không dạy. Câu hỏi 1 trang 165 - không y/cHS trả lời) Luyện tập thí nghiệm ống nghe* |  |
| 52 | **Phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện.** |  |
| 53 | **Vệ sinh hệ thần kinh** |  |
| 54 | **Kiểm tra viết** |  |
| 55 | ***Chương X:* CHỦ ĐỀ: NỘI TIẾT**  **Giới thiệu chung về tuyến nội tiết** | *- Không dạy đặc điểm cấu tạo các tuyến*  *- Tích hợp thành chủ đề “Nội tiết”* |
| 56 | **Tuyến yên, tuyến giáp.** |  |
| 57 | **Tuyến tuỵ và tuyến trên thận** |  |
| 58 | **Tuyến sinh dục** |  |
| 59 | **Sự điều hoà và phối hợp hoạt động của các tuyến nội tiết** |  |
| 60 | ***Chương XI:* *SINH SẢN***  **Cơ quan sinh dục nam** | **Mục I - Tinh hoàn và tinh trùng**  *Không dạy chi tiết, chỉ giới thiệu* |
| 61 | **Cơ quan sinh dục nữ** | **Mục II - Buồng trứng và trứng**  *Không dạy chi tiết, chỉ giới thiệu* |
| 62 | **Bài tập** |  |
| 63 | **Ôn tập kì II** |  |
| 64 | **Kiểm tra học kì II** |  |
| 65 | **Thụ tinh, thụ thai và phát triển của thai** |  |
| 66 | **Cơ sở khoa học của các biện pháp tránh thai** |  |
| 67 | **Các bệnh lấy truyền qua đường sinh dục (bệnh tình dục)** | **Mục II – Bài 64. Bệnh giang mai; Mục II – Bài 65. Đại dịch AIDS – thảm họa của loài người***: Không dạy* |

**LỚP 9**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TIẾT** | **TÊN BÀI** | **ĐIỀU CHỈNH** |
| 37 | Thoái hoá do tự thụ phấn và do giao phối gần |  |
| 38 | Thoái hoá do tự thụ phấn và do giao phối gần (TT) (Bài 36 không dạy) |  |
| 39 | Ưu thế lai |  |
| 40 | Ưu thế lai (TT) (Bài 37 không dạy) |  |
| 41 | **Phần II** - **SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG**  ***Ch­ương I:* SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG**  Môi trường và các nhân tố sinh thái |  |
| 42 | Ảnh hưởng của ánh sáng lên đời sống sinh vật |  |
| 43 | Ảnh hưởng của nhiệt độ và độ ẩm lên đời sống sinh vật |  |
| 44 | Ảnh hưởng lẫn nhau giữa các sinh vật |  |
| 45 | ***Ch­ương II:* HỆ SINH THÁI**  Quần thể sinh vật | **Mục II - Những đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật**  *(Không dạy chi tiết, chỉ giới thiệu các đặc trưng)* |
| 46 | Quần thể người | **Mục II. Đặc trưng về thành phần nhóm tuổi của mỗi quần thể người**  *(Khuyến khích học sinh tự đọc)* |
| 47 | Quần xã sinh vật |  |
| 48 | Hệ sinh thái |  |
| 49 | **Kiểm tra viết** |  |
| 50 | ***Ch­­ương III:* CON NGƯỜI, DÂN SỐ VÀ MÔI TRƯỜNG**  Tác động của con người đối với môi trường |  |
| 51 | ***Ch­ư­ơng IV:* CHỦ ĐỀ: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  Sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên | *(Không dạy chi tiết, chỉ giới thiệu khái quát)* |
| 52 | Khôi phục môi trường và gìn giữ thiên nhiên hoang dã |
| 53 | Bảo vệ đa dạng các hệ sinh thái |
| 54 | Luật Bảo vệ môi trường |
| 55 | Ôn tập cuối học kì II (theo nội dung bài 63 SGK) |  |
| 56 | **Kiểm tra học kì II** |  |

***\** Đầu điểm tối thiểu môn Sinh học:**

- **KT thường xuyên:** 2 đầu điểm HS 1, gồm: 1 điểm KT miệng, 1 điểm KT 15 phút

- **KT định kì:** Bỏ bài KT Thực hành hệ số 2.

*Gia Thụy, ngày 6/ 4/ 2020*

|  |  |
| --- | --- |
| **BGH duyệt:**  **Phạm Thị Hải Vân** | **Tổ, Nhóm Chuyên môn:**  **Nguyễn Thị Phương Thảo** |

**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO XÁC NHẬN**